

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2022
V/V tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Lê Văn Tánh**.

2. Ông: **Nguyễn Tiên Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

1/ *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1964; (có mặt)

Bà **Đỗ Thị Hồng T**, sinh năm 1961; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2022, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Huỳnh Văn H** và bà **Đỗ Thị Hồng T** trình bày: Do có quen biết với nhau, nên vào ngày 26/3/2022 phía ông **Huỳnh Văn H** và bà **Đỗ Thị Hồng T** có cho ông **Nguyễn Thành L** và bà **Phạm Thị K** vay số tiền là 700.000.000 đồng, thời hạn vay mỗi tháng trả 50.000.000 đồng vốn, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 1.000.000 đồng lãi suất là 20.000 đồng/tháng (lãi suất là 2%/tháng) lãi trả hàng tháng theo số tiền giảm dần, thời hạn vay bắt đầu trả lần đầu là vào ngày 15/4/2022, trả trong vòng 14 tháng là hết số nợ. Khi vay hai bên có làm biên nhận nợ, phía ông L và bà K có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ. Sau khi vay thì phía ông L và bà K không trả tiền vốn vay và lãi theo đúng thỏa thuận, nên phía ông H và bà T có đòi nhiều lần, phía ông L và bà K hẹn trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay chưa trả

vốn và lãi. Theo đơn khởi kiện thì phía nguyên đơn ông H và bà T yêu cầu ông L và bà K trả số tiền vốn vay là 700.000.000 đồng và lãi suất là 2% /tháng, nhưng tại phiên tòa hôn nay phía nguyên đơn ông H và bà T chỉ yêu cầu ông L và bà K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H và bà T số tiền vốn vay là 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K. Xét thấy, bị đơn ông L và bà K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông L và bà K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên ông Huỳnh Văn H và bà Đỗ Thị Hồng T: yêu cầu phía bị đơn ông L và bà K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H và bà T số tiền vốn vay là 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn ông H và bà T là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía ông H và bà T xác định vào ngày 26/3/2022 phía ông H và bà T có cho ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K vay số tiền là 700.000.000 đồng, thời hạn vay mỗi tháng trả 50.000.000 đồng vốn, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay bắt đầu trả lần đầu là vào ngày 15/4/2022, trả trong vòng 14 tháng là hết số nợ. Sau khi vay thì phía ông L và bà K không trả tiền vốn vay và lãi theo đúng thỏa thuận, nên phía ông H và bà T có đòi nhiều lần nhưng phía ông L và bà K hẹn trả mà không trả kéo dài cho đến nay chưa trả vốn và lãi. Phía nguyên đơn bà ông H và bà T cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là có cho ông L và bà K vay tiền, cụ thể là 01 biên nhận nợ bản gốc, phía ông L và bà K có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ, nên yêu cầu của ông H và bà T có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôn nay phía nguyên đơn ông H và bà T không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Đối với phía bị đơn ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông L và bà K đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn ông H và bà T đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông L và bà K phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn ông L và bà K đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng

nghĩa là phía bị đơn ông L và bà K đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn chị ông L và bà K phải có nghĩa vụ trả, nên ông L và bà K không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn ông L và bà K cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn ông L và bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, nên cần buộc phía bị đơn ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H và bà Đỗ Thị Hồng T số tiền vốn vay là 700.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và bà Đỗ Thị Hồng T, nên phía bị đơn ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía ông H và bà T là 700.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và bà Đỗ Thị Hồng T.

Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H và bà Đỗ Thị Hồng T số tiền vốn vay là 700.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn ông H và bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông L và bà K chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn H và bà Đỗ Thị Hồng T 16.560.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H và bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002590 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Thành L và bà Phạm Thị K thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn